

Seri ZW-5A**ZW180**

MÁY XÚC LẬT

Model: ZW180 -5A

Công suất động cơ: 128 kW (172 HP)

Trọng lượng vận hành: 14 370 - 14 860 kg

Dung tích gầu ISO (vun ngọn): 2.2 - 3.3 m³

Công suất vượt trội & Ít tiêu hao nhiên liệu

Máy xúc lật thế hệ mới ZW180 có sự kết hợp hoàn hảo giữa tính năng ít tiêu hao nhiên liệu và tăng cường khả năng điều khiển thiết bị. "Hệ thống kiểm soát động cơ" - Công nghệ chính Hãng Hitachi - giúp xác định tình trạng vận hành của máy và điều chỉnh tốc độ động cơ tương ứng nhằm tránh sinh ra chấn động cho máy. ZW180 đáp ứng mọi yêu cầu của thời đại - Năng suất và Hiệu quả về suất tiêu thụ nhiên liệu.

MỤC LỤC

Tiết kiệm nhiên liệu tới 10%*

* So với dòng ZW180 truyền thống Trang 4 - 5

Tính kinh tế trong vấn đề tiêu thụ nhiên liệu

Khả năng điều khiển được tăng cường

Trang 6 - 7

Khả năng kiểm soát & Năng suất thiết bị

Các tính năng thân thiện với người dùng

Trang 8 - 9

Thoải mái cho người vận hành

Bảo trì bảo dưỡng được đơn giản hóa nhờ hệ thống hỗ trợ trên máy

Trang 10 - 11

Mức độ bảo dưỡng & Độ bền của thiết bị

Xúc lật **ZW180** đời mới!



ZW Empower your Vision.

Tiết kiệm nhiên liệu đến 10%

“Hệ thống kiểm soát động cơ” có thể giúp giảm mức tiêu hao nhiên liệu đến 10%, đồng thời tăng cường khả năng điều khiển và năng suất thiết bị.

HOT!!! Công nghệ giúp giảm tiêu hao nhiên liệu

Nguyên lý giúp giảm tiêu hao nhiên liệu: Tránh việc khởi động di chuyển quá nhanh, và hạn chế các tổn thất năng lượng suốt quá trình xúc nhờ vào các bơm thủy lực loại có thể thay đổi lưu lượng khi làm việc.

Tiết kiệm 10%*

=

Hệ thống kiểm soát động cơ

+

Cổng tắc QPS

Hộp số loại mới

* Compared to the conventional ZW180

NEW Hệ thống kiểm soát động cơ đảm bảo vận hành hiệu quả và dễ điều khiển



“Hệ thống kiểm soát động cơ” đóng vai trò quan trọng giúp tiết kiệm 10% mức tiêu thụ nhiên liệu. Các cảm biến sử dụng trên thiết bị giúp phát hiện các chuyển động trên máy và điều chỉnh tốc độ động cơ theo nguyên tắc giảm tổn hao năng lượng nhằm tối ưu hóa lượng nhiên liệu sử dụng. Chính điều này sẽ giúp khâu vận hành diễn ra trơn tru và hiệu quả.

Hệ thống kiểm soát động cơ khi xúc

➔ Chọn công suất cho di chuyển và lực xúc tối ưu

Gia tăng hiệu quả vận hành

+ Giảm tiêu thụ nhiên liệu



Cụm kiểm soát động cơ

➔ Tăng ga di chuyển dư thừa do đạp chân ga quá mức

Giảm hiệu quả vận hành

+ Tăng mức tiêu hao nhiên liệu



Truyền thống

Hệ thống kiểm soát động cơ sẽ giúp lựa chọn giá trị công suất và lực xúc tối ưu nhằm đảm bảo việc xúc vật liệu được thực hiện trơn tru với lượng nhiên liệu được sử dụng hiệu quả nhờ vào việc xử lý các dữ liệu thu thập được từ hệ thống các cảm biến lắp trên máy.

NEW 2 chế độ làm việc lựa chọn được: Tiêu chuẩn & Công suất



Chế độ Tiêu chuẩn được lựa chọn để sử dụng cho các công việc thông thường (công việc cần công suất duy trì không đổi), chẳng hạn vận chuyển vật liệu. Chế độ Công suất (Power) được dùng khi công việc đòi hỏi công suất lớn.

A Mode Power

Được lựa chọn khi thao tác cần thêm công suất, chẳng hạn khi cần leo dốc hoặc khi cần thực hiện thao tác nhanh.

B Công tắc Quick Power (Công tắc QPS)

Nhấn công tắc QPS trên tay cần để lựa chọn Mode Power. Khi chuyển công tắc tới/lùi, hay lúc giảm tốc độ di chuyển, mode Tiêu chuẩn (Standard mode) sẽ được tự động kích hoạt trở lại. Công tắc QPS giúp tiết kiệm nhiên liệu tốt hơn so với khi máy chỉ vận hành máy ở chế độ Power toàn thời gian.

NEW Chỉ báo chức năng ECO được kích hoạt trong lúc vận hành



Các chỉ báo của hệ thống giám sát: Đồng hồ, các khoảng thời gian thay thế nhớt, tốc độ di chuyển, công tơ mét, đồng hồ giờ vận hành.

Chỉ báo ECO hiển thị trên màn hình khi chức năng vận hành tiết kiệm nhiên liệu được kích hoạt. Chức năng này giúp thợ vận hành an tâm trong vấn đề sử dụng thiết bị hiệu quả.

Gia tăng khả năng điều khiển thiết bị

Hitachi đã tiến hành phân tích rất nhiều thao tác vận hành của máy bao gồm xúc, di chuyển đến xe tải chứa liệu, các vận hành sau khi đổ vật liệu và di chuyển. Các phần tích này đã giúp đưa đến sự phát triển các chiến lược nhằm cải thiện khả năng điều khiển máy xúc lật.

HOT!!! Hộp số 5 cấp tốc độ

Hộp số mới được sử dụng như trang bị tiêu chuẩn với mode Auto* có khả năng tự động lựa chọn tốc độ tối ưu tùy theo tải, từ đó góp phần giảm lượng nhiên liệu tiêu hao. Đặc biệt, hộp số mới có 5 cấp tốc độ cho phép động cơ làm việc hiệu suất tốt hơn so với loại hộp số truyền thống với 4 cấp tốc độ.

* AUTO1 (số 1 - số 5) và AUTO2 (số 2 - số 5) có thể lựa chọn khi ở chế độ di chuyển.



Núm chọn mode di chuyển



NEW Các tay trang vận hành đơn giản



2 tay trang



Điều khiển bằng cách giữ

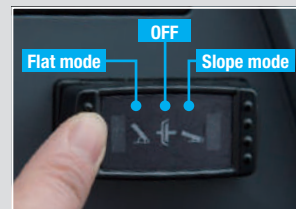
Nhằm cung cấp tín năng vận hành tiện lợi và hiệu quả, một loại tay trang mới được thiết kế cho phép điều khiển bằng đầu ngón tay hoặc bằng cách kẹp và giữ.

* Có nhiều loại tay trang khác nhau có thể lựa chọn được tùy theo sở thích và nhu cầu công việc.

NEW Hệ thống ngắt li hợp theo tốc độ

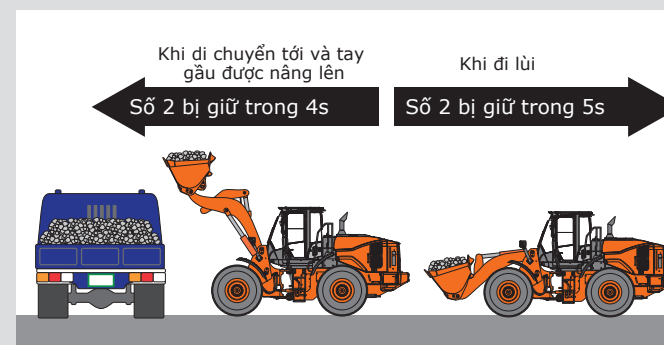


Thời gian ngắt li hợp được điều chỉnh dựa vào tín hiệu tốc độ di chuyển và góc chân ga nhằm giúp việc vận chuyển vật liệu diễn ra êm ái và hiệu quả. Chế độ di chuyển trên đường bằng, trên dốc và không kích hoạt (OFF) có thể lựa chọn được (tùy vào thực tế công trường) thông qua công tắc lựa chọn.



Vị trí công tắc ngắt li hợp

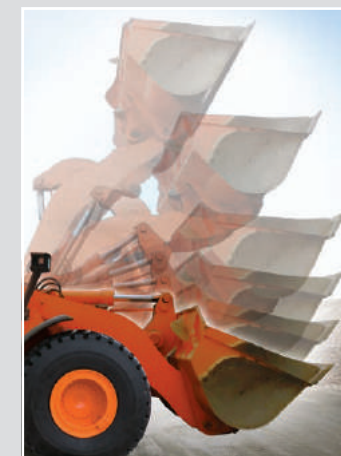
NEW Chế độ trì hoãn khi vào số mới (Option)



Chế độ trì hoãn khi vào số mới được cung cấp để tránh việc nâng gầu quá mức khi di chuyển lúc xúc và vận chuyển vật liệu. Khi đi tới với tay gầu nâng cao, lúc vào số mới, số 2 sẽ được giữ trong 4s để ngăn tình trạng vận tốc tăng quá nhanh. Khi lùi, số 2 sẽ được giữ trong 5s. Việc trì hoãn thời gian để sang số 3 sẽ giúp giữ cho việc tiêu hao nhiên liệu thấp nhưng vẫn đảm bảo thao tác vận chuyển trơn tru.

Van giới hạn trên tay nâng gầu

Van giới hạn này giúp ngăn tình trạng rung lắc máy khi tay nâng gầu dừng lại, từ đó giúp thợ vận hành làm việc thoải mái hơn, đồng thời tránh được hiện tượng vật liệu bị đổ ra ngoài.



Chức năng cân bằng tự động cho tay nâng gầu (Option)

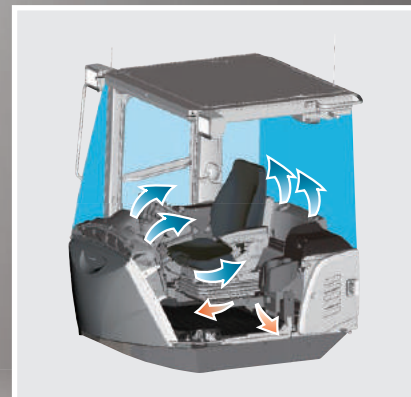
Tay nâng gầu có thể dừng tự động khi đến vị trí được cài đặt trước nhằm đảm bảo việc vận chuyển vật liệu hiệu quả cũng như khi hạ gầu sau khi đổ vật liệu. Thợ vận hành có thể tập trung vào phần di chuyển mà không cần quan tâm đến tay nâng gầu.

Tính năng thân thiện với người dùng - Tạo sự tiện lợi cho thợ vận hành

Cabin vừa tiện nghi vừa đầy đủ chức năng với hàng loạt tính năng giúp hạn chế sự mệt mỏi cho thợ vận hành.

HOT!!! Máy điều hòa tự động 2 cấp độ

Máy điều hòa không khí tự động với chức năng điều chỉnh 2 cấp: Sưởi ấm khu vực dưới chân và làm mát cho vùng trên đầu. Bụi trong cabin được hút ra bên ngoài, đảm bảo khu vực bên trong luôn trong sạch. Trong môi trường đầy bụi, một lọc 2 lớp tùy chọn thêm lắp bên ngoài được cung cấp thêm.



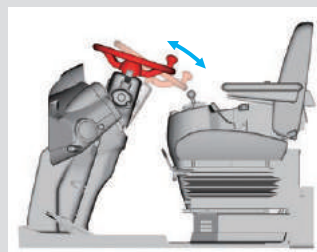
Cabin trong suốt



Cabin trong suốt, rộng rãi cung cấp tầm nhìn toàn cảnh xung quanh nhờ vào các tấm kính chắn trong suốt lắp trên cabin. Ghế ngồi và vô lăng lái có thể điều chỉnh phù hợp với thợ vận hành, đảm bảo vị trí tối ưu cho thợ vận hành. Độ ồn bên trong cabin được giảm tối ưu. Thậm chí ngay cả khi công việc trở nên khó khăn, thợ vận hành vẫn cảm thấy tiện lợi và không mệt mỏi.

Vô lăng lái nghiêng được

Vô lăng lái nghiêng được để có thể khớp với vị trí ngồi lái của thợ vận hành.



Vô lăng lái nghiêng được

Ghế ngồi được thiết kế vô cùng tiện nghi

Ghế cơ có khả năng hấp thụ rung và sốc từ máy nhằm góp phần giảm các ảnh hưởng vật lý đến thợ lái máy.

* Ghế đệm hơi có sẵn như tùy chọn.



Ghế ngồi

Radio AM/FM với 2 loa

Radio AM/FM với đặc điểm tự điều chỉnh và 2 loa stereo đảm bảo cung cấp chất lượng âm thanh tuyệt vời. Cùng với đó là hộc chứa dùng để cất giữ điện thoại.

* Cổng AUX (giắc kết nối stereo mini) là tùy chọn để kết nối với thiết bị phát nhạc giúp giải lao cho thợ vận hành.



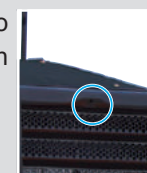
Radio AM/FM với 2 loa



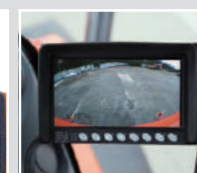
Hộc chứa

NEW Bộ giám sát khu vực phía sau (Option)

Bộ giám sát phía sau cho phép thợ vận hành quan sát được khu vực sau máy, kể cả khu vực phía sau bộ đối trọng. Từ đó góp phần gia tăng tính an toàn khi vận hành.



Camera sau



Bộ giám sát phía sau

Các phụ kiện trang bị cho máy



Hộc chứa cốc nước



Không gian lưu trữ lớn



Nơi lưu trữ các vật dụng nhỏ



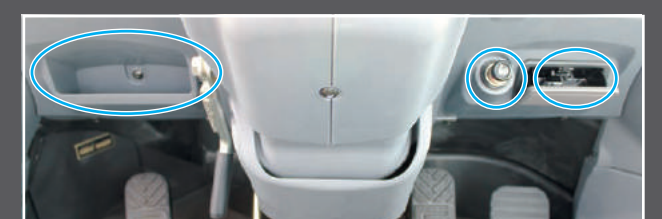
Hộp giữ nóng và lạnh



Bộ xông kính phía trước



Ngõ ra phía sau của hơi



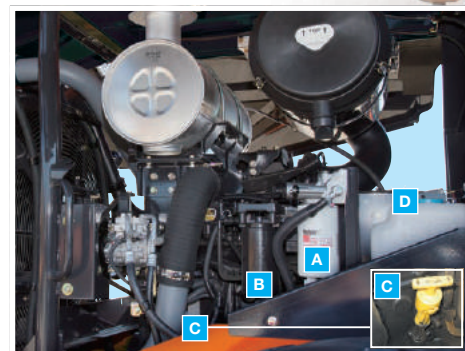
Hộc để găng tay, bình chữa cháy và gạt tàn thuốc

Công việc bảo trì bảo dưỡng được đơn giản nhờ vào hệ thống hỗ trợ trên máy

Chuỗi hoạt động hỗ trợ của Hitachi cung cấp các dịch vụ hỗ trợ khách hàng kịp thời và phù hợp.

HOT!!! Công tác bảo dưỡng thiết bị được đơn giản hóa

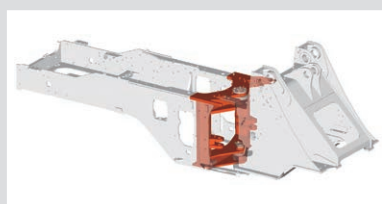
Ca pô động cơ có thể mở rộng cung cấp không gian đủ rộng cho công tác bảo dưỡng. Bộ lọc động cơ bố trí tập trung rất thuận tiện cho khâu kiểm tra và bảo dưỡng.



A Lọc thô B Lọc chính C Mức nhớt động cơ D Thùng nước rửa kính

Khung máy chắc chắn

Khung máy với các khớp nối đã được gia cố toàn bộ. Khung dạng hộp được lắp ghép với các chốt định tâm ở những nơi có ứng suất tập trung, với mục đích gia cố. Bề dày của thành khung máy được xác định tối ưu hóa nhờ vào việc phân tích ứng suất 3D.



Khung máy cứng chắc

Bộ tản nhiệt với cánh tản nhiệt rộng (Option)

Cánh tản nhiệt rộng được cung cấp khi máy sử dụng trong môi trường nhiều bụi bặm, nhằm tránh hiện tượng bụi bám dính gây tắt nghẽn và sinh ra quá nhiệt. Bộ tản nhiệt loại này dễ dàng được làm sạch bằng hơi.



Bộ tản nhiệt tiêu chuẩn

Bộ tản nhiệt, cánh tản nhiệt rộng

NEW Quạt làm mát tự động quay ngược lại để giảm lượng bụi bám dính (Option)



Quạt làm mát tự động quay ngược nhằm duy trì trạng thái sạch sẽ cho bộ tản nhiệt mọi lúc. Quạt làm mát sẽ tự động quay ngược sau mỗi 30 phút để thổi bụi ra khỏi bộ tản nhiệt. Khung chắn mở rộng giúp tăng hiệu quả việc tuần hoàn khí.

Dịch vụ & Phụ tùng

Phụ tùng

Hitachi Global Online Network, hệ thống cung cấp phụ tùng của Hitachi, được kết nối với CPD (Central Parts Depot), các kho hàng và các đại lý nước ngoài sẽ cung cấp các dữ liệu về phụ tùng bằng online, bao gồm tồn kho, tình trạng đặt hàng, vận chuyển và thời gian giao hàng cho hơn 1 triệu phụ tùng và cụm bộ phận khác nhau.

Dịch vụ

Tại công trường (ConSite)

ConSite là một gói dịch vụ đầy đủ được thiết kế để phục vụ cho các máy Hitachi hoạt động trên khắp thế giới. Chúng tôi giám sát thường xuyên và hỗ trợ từng máy làm việc trên mọi loại công trường ở nhiều khía cạnh khác nhau, giúp đáp ứng các điều kiện trên công trường và cả các yêu cầu của người sử dụng.



Phụ tùng chính hãng Hitachi

Phụ tùng Hitachi phải đáp ứng hàng loạt tiêu chuẩn chất lượng khắt khe trước khi xuất xưởng, do đó, chúng được bảo đảm về mặt bảo hành theo qui chuẩn của Hitachi. Việc sử dụng phụ tùng chính Hãng - lọc, nhớt động cơ, nhiên liệu, nhớt và lọc thủy lực..., có thể giúp cắt giảm chi phí vận hành thiết bị đồng thời gia tăng tuổi thọ cho thiết bị.

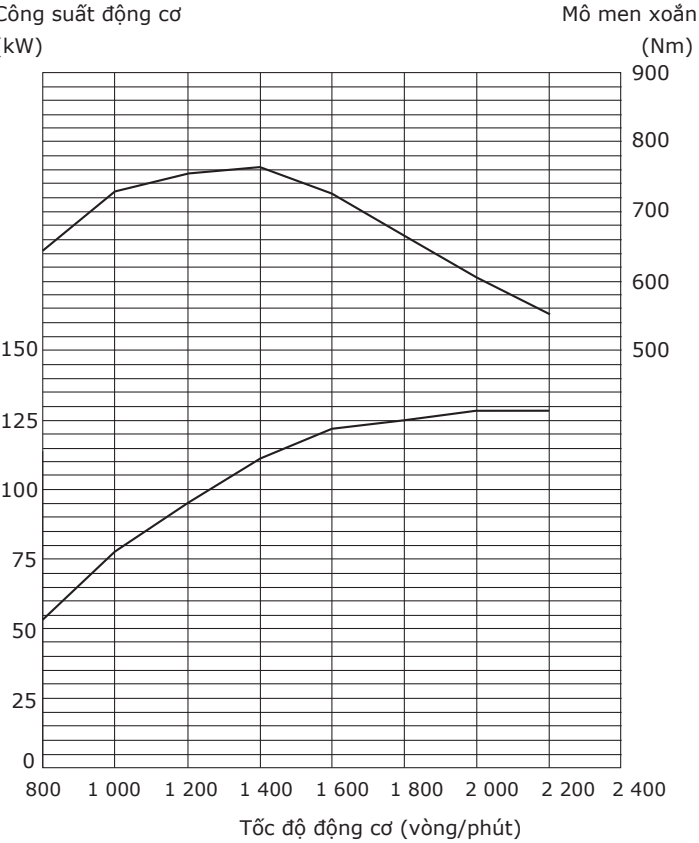
Đào tạo kỹ thuật

Các dịch vụ trên mọi công trường được xử lý với tiêu chí đảm bảo máy đạt được hiệu suất làm việc tối đa và giảm thiểu thời gian chết. Trung tâm đào tạo kỹ thuật (TTC), trụ sở tại Nhật Bản, giúp huấn luyện và đào tạo đội ngũ dịch vụ kỹ thuật và các nhân sự hỗ trợ mảng dịch vụ cho các đại lý và nhà máy của Hitachi khắp thế giới theo giáo trình đào tạo quốc tế.

ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT

ĐỘNG CƠ

Model	CUMMINS QSB6.7
Loại	4 kì, làm mát bằng nước, phun trực tiếp
Nạp khí	Turbo tăng áp, làm mát trong
Số xi lanh	6
Công suất tối đa	
SAE J1995/ISO14396, gross	128 kW (172 HP) ở 2 200 v/phút
SAE J1349/ISO 9249, net	125 kW (168 HP) ở 2 200 v/phút
Công suất định mức	
SAE J1995, gross	128 kW (172 HP) ở 2 200 v/phút
Mô men xoắn (max)	763 Nm ở 1 400 v/phút
Đ. kính trong x Hành trình	107 mm X 124 mm
Dung tích xi lanh	6.690 lít
ẮC quy	2 X 12 V
Lọc gió	Loại khô 2 lõi với bộ báo tắt lọc



HỆ THỐNG TRUYỀN ĐỘNG

Hộp số	Bộ biến mô, cơ chế sang số nhờ trục truyền sang số tự động được điều khiển từ hộp và sang số bằng thủ công.
Bộ biến mô	3 bộ phận, 1 cấp, đơn pha
Li hợp chính	Loại ướt, nhiều đĩa
Kiểu làm mát	Tuần hoàn cưỡng bức
Tốc độ di chuyển* Tới / Lùi	
1st	5.9 / 6.1 km/h (5.8 / 6.1 km/h)
2nd	11.5 / 11.8 km/h (12.0 / 12.6 km/h)
3rd	17.0 / 26.0 km/h (18.1 / 27.7 km/h)
4th	24.8 km/h (26.4 km/h)
5th	38.5 km/h (38.5 km/h)
*Với lớp loại 20.5-25-12PR (L3)	
()	Dữ liệu khi vận hành ở chế độ Power

CẦU VÀ CỤM TRUYỀN ĐỘNG CUỐI CÙNG

Hệ thống dẫn động	Dẫn động 4 bánh
Cầu trước & sau	Bán tự do
Trước	Lắp cứng trên khung trước
Sau	Tự cân bằng
Bánh răng giảm tốc	Giảm tốc 2 cấp với bộ vi sai truyền thống
Góc dao động	Tổng cộng 24° (+12°, -12°)
Bộ truyền động cuối cùng	Bánh răng hành tinh, lắp bên ngoài

LỚP

Cỡ lớp	20.5-25-12PR (L3)
Tùy chọn	Tham khảo danh mục trang bị tiêu chuẩn và tùy chọn

HỆ THỐNG PHANH

Phanh chính	Phanh đĩa ướt lắp bên ngoài ở 4 bánh (loại tác động bằng thủy lực). Cơ chế độc lập cho trước và sau
Phanh đỗ	Tác động bằng lò xo, mở bằng thủy lực, phanh đĩa khô với trục truyền bên ngoài

HỆ THỐNG LÁI

Loại	Lái kiểu khớp xoay
Góc lái	Mỗi bên 40° ; Tổng 80°
Xi lanh	Loại pit-tông, tác động kép (2 chiều)
Số xi lanh x Đường kính trong x Hành trình	2 x 70 mm x 442 mm

HỆ THỐNG THỦY LỰC

Tay nâng và gầu được kiểm soát độc lập bằng tay cần điều khiển	
Điều khiển tay nâng	Van 4 vị trí: Nâng, Giữ, hạ, Tự do
Điều khiển gầu với chế độ kiểm soát xúc tự động	
	Van 3 vị trí ; Xoay lại, Giữ, Đỗ
Bơm chính (bơm lái chuyển)	
	Bơm pit-tông hướng trục, thay đổi lưu lượng
Lưu lượng tối đa	210 lít/phút ở 2 200 v/phút
Áp suất tối đa	.. 27.4 MPa
Bơm quạt gió	
	Bơm bánh răng, lưu lượng cố định
Lưu lượng tối đa	80.5 lít/phút ở 2 200 v/phút
Áp suất tối đa	.. 14.7 MPa

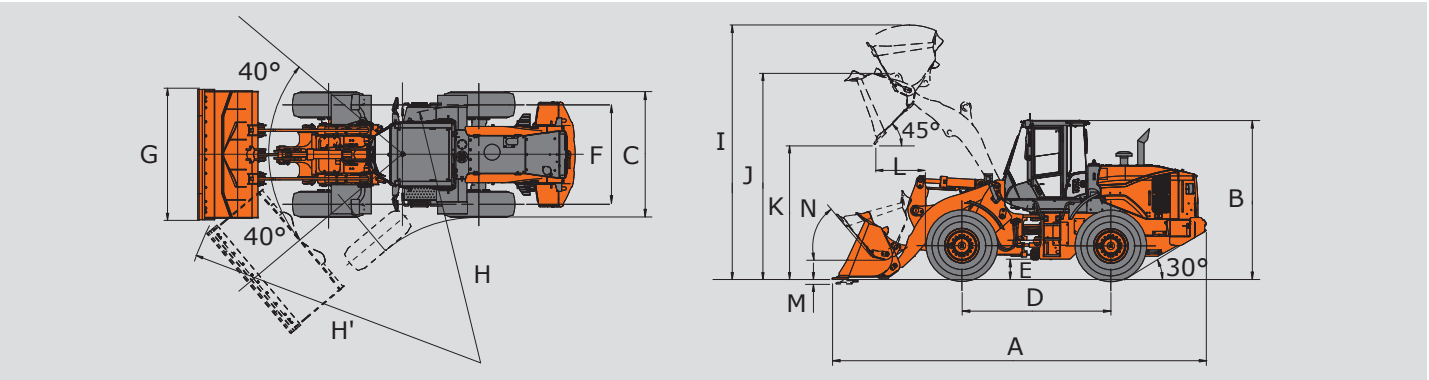
Các xi lanh thủy lực	
Loại	Tác động ở 2 hướng
Số xi lanh x Đường kính trong x Hành trình	...
	Gầu : 1 x 150 mm x 495 mm
	Tay nâng : 2 x 125 mm x 765 mm
Lọc	Lọc hồi về thùng 15 micromet

Các chu kì thủy lực	
Tay nâng gầu nâng lên	5.9 s (5.7 s)
Tay nâng gầu hạ xuống	3.6 s (3.6 s)
Gầu đổ vật liệu	1.4 s (1.3 s)
Tổng	10.9 s (10.6 s)
()	Dữ liệu lấy ở chế độ Power

LƯỢNG NHỚT BẢO DƯỠNG

Thùng nhiên liệu	235 lít
Nước làm mát động cơ	25 lít
Nhớt động cơ	25 lít
Hộp số và bộ biến mô	30 lít
Moay-ơ và vi sai trục trước	34 lít
Moay-ơ và vi sai trục sau	35 lít
Thùng nhớt thủy lực	100 lít

KÍCH THƯỚC MÁY & CÁC THÔNG SỐ KỸ THUẬT



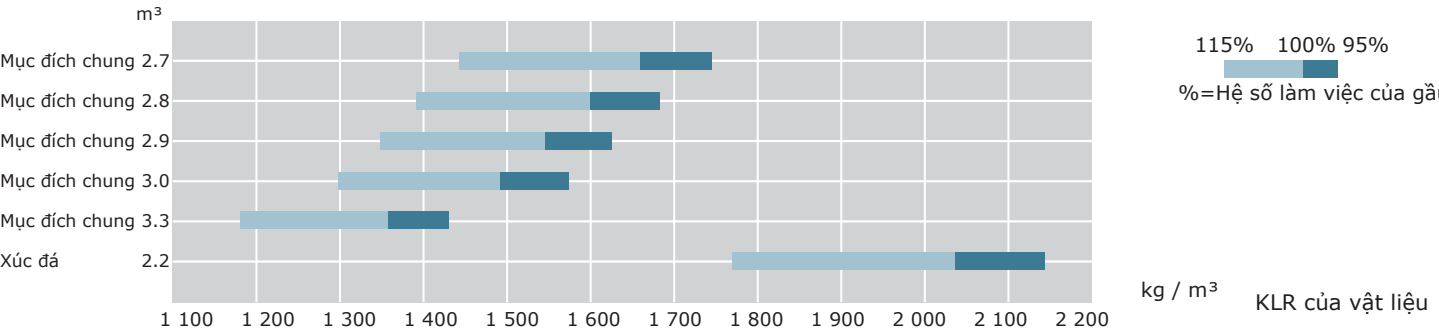
Loại gầu		Tay nâng gầu tiêu chuẩn							Tay nâng cao
		Mục đích chung						Xúc đá	Mục đích chung
		Lưới cắt bắt bằng bu lông			Răng gá bu lông			Răng gá bu lông	Lưới cắt bắt bằng bu lông
Dung tích gầu	ISO Vun ngọn	m³	2.8	3.0	3.3	2.7	2.9	2.2	2.4
	ISO Ngang mặt	m³	2.4	2.6	2.9	2.3	2.5	1.9	2.0
A Chiều dài tổng thể		mm	7 790	7 840	7 920	7 940	7 990	7 820	8 250
B Chiều cao tổng thể		mm				3 280			
C Bề rộng phủ bì các lốp		mm				2 610			
D Khoảng cách 2 cầu		mm				3 100			
E Khoảng sáng gầm		mm				395			
F Khoảng cách tâm 2 lốp bánh xe		mm				2 050			
G Chiều rộng gầu		mm				2 690			
H Bán kính quay đầu (tính ở rìa ngoài lốp)		mm				5 300			
H' Bán kính quay vòng nhỏ nhất (mang gầu)		mm	6 200	6 210	6 230	6 240	6 260	6 210	6 370
I Chiều cao vận hành (tổng thể)		mm	5 290	5 340	5 420	5 290	5 340	5 230	5 580
J Chiều cao tối đa của ác chốt ty nâng gầu		mm				3 920			4 320
K Khoảng sáng tối đa khi đổ gầu (góc 45 độ)		mm	2 800	2 760	2 710	2 690	2 660	2 770	3 290
L Kh. tiếp cận tối đa khi đổ gầu (góc 45 độ)		mm	1 070	1 100	1 160	1 150	1 190	1 070	1 130
M Chiều sâu xúc		mm	100	100	100	110	110	110	170
N Góc nghiêng gầu ra sau tối đa (mang tải)		độ				50			
Tải trọng không tải lúc đổ vật liệu *	Máy thẳng	kg	11 560	11 510	11 430	11 740	11 690	11 260	9 790
	Xoay tối đa 40 độ	kg	9 960	9 910	9 830	10 130	10 080	9 650	8 410
Lực xúc đất		kgf	11 970	11 450	10 740	13 040	12 430	14 430	12 310
		kN	117	112	105	128	122	141	121
Trọng lượng vận hành*		kg	14 430	14 470	14 520	14 370	14 400	14 860	14 850

Note: Tất cả dữ liệu kích thước, trọng lượng, hiệu suất làm việc đã được xác định theo tiêu chuẩn ISO 6746-1:1987,ISO 7131:2009 và ISO 7546:1983
*:T ải trọng không tải và trọng lượng vận hành * là có gồm lớp 20.5-25-12PR(L3) (không gia tải) cùng với chất bôi trơn, thùng nhiên liệu đầy, đối trọng 1 350kg, không có ROPS và thợ vận hành. Độ ổn định và trọng lượng vận hành của máy phụ thuộc vào đối trọng, cỡ lốp và phụ kiện đi kèm.

CÁC LỰA CHỌN LÀM THAY ĐỔI TRỌNG LƯỢNG MÁY

Hạng mục tùy chọn		Trọng lượng vận hành (kg)	Tải lúc đổ vật liệu (kg)		Bề rộng tổng (mm) (rìa ngoài lốp)	Chiều cao tổng (mm)	Chiều dài tổng (mm)
			Máy thẳng	Xoay			
Lớp	20.5-25-12PR (L3)	±0	±0	±0	±0	±0	±0
	20.5-25-16PR (L3)	+30	+20	+10	±0	±0	±0
	20.5R25 (L3)	+180	+140	+120	+20	+10	-10
	20.5R25 (L5)	+610	+460	+400	+40	+30	-20
Khung bảo vệ cho bụng chassy		+160	+90	+80	-	-	-
ROPS / FOPS Cab		+210	+210	+180	-	-	-
Đối trọng 1 660kg		+310	+790	+700	-	-	-

HƯỚNG DẪN LỰA CHỌN LOẠI GẦU



TRANG BỊ CHO MÁY

KHOANG ĐIỀU KHIỂN	
Cột vô lăng lái điều chỉnh được	●
Gạt tàn và bật lửa	●
Audio	
Radio AM/FM	●
Radio AM/FM với giắc cắm AUX cho thiết bị audio KTS	○
Điều hòa không khí, điều chỉnh tự động	
Với lọc khí ngõ vào (lọc 1 cấp)	●
Với lọc khí ngõ vào (lọc 2 cấp)	○
Cab	
Không ROPS / FOPS	●
ROPS (ISO3471), FOPS (ISO3449)	○
Móc áo	●
Bộ xông kính trước/sau	●
Khoang chứa găng tay	●
Camera và bộ giám sát vùng làm việc phía sau	○
Gương chiếu hậu	
Bên trong (2)	●
Bên ngoài (2)	●
Đai an toàn (thu ngắn được), 50mm	●
Thảm lót sàn bằng nhựa	●
Ghế ngồi	
Lắp cơ: ghế vải, chỉnh được chiều cao và góc thanh tựa tay (chỉnh nằm ngang, nằm nghiêng, dựng thẳng đứng)	●
Ghế nệm khí với tựa đầu và bộ sấy: ghế vải, chỉnh được chiều cao, chỉnh được vị trí tựa tay, giảm chấn, chỉnh được chiều cao và góc nghiêng cho tựa đầu, góc nghiêng cho ghế (ngang tầm ngồi, nghiêng, cao và thấp)	○
Khoang chứa	
Hộc đựng cốc	●
Hộc chứa bộ dụng cụ phát nhạc	●
Hộc chứa tài liệu	●
Hộp giữa lạnh & nóng	●
Túi chứa phía sau ghế lái	●
Tấm che nắng trong cabin	●
Vô lăng lái (loại có núm xoay)	●
Kính chắn cường lực	●
Hệ thống gạt nước phía trước và sau	●
Thanh gạt nước trước và sau	●
HỆ THỐNG ĐIỆN	
Cảnh báo đi lùi	●
Ắc quy	
Tiêu chuẩn (120AH-760A)	●
Ắc quy dung lượng lớn (155AH-900A)	○
Công tắc ngắt mass	○
Chìa khóa an toàn	○
Điện áp ngõ ra 12V	○

● Tiêu chuẩn ○ Tùy chọn

HỆ THỐNG LÀM MÁT	
Quạt	
Quạt làm mát (có bộ gửi tín hiệu tải)	●
Có khả năng tự xoay ngược lại khi cần thiết	○
Cụm khung sắt bảo vệ quạt	●
Bộ tản nhiệt	
Bộ tản nhiệt tiêu chuẩn	●
Bộ tản nhiệt cánh rộng	○

ĐÈN	
Đèn báo phanh và đèn ở đuôi xe	●
Đèn báo khi đi đường ban đêm	●
Đèn pha	●
Đèn xoay	○
Tín hiệu chuyển hướng lái với công tắc cảnh báo	●
Đèn làm việc	
Đèn phía trước cabin (2)	●
Đèn sau xe với khung bảo vệ (2)	●
Đèn bổ sung thêm cho cabin trước (2)	○
Đèn sau cabin (2)	○

HỆ THỐNG TRUYỀN ĐỘNG	
Hộp số tự động với hệ thống bảo tải	●
Công tắc ngắt li hợp	●
Vi sai	
Vi sai truyền thống	●
LSD (Vi sai chống trượt, cầu trước)	○
DSS (Công tắc về số 1 cho quá trình xúc vật liệu)	●
Tay trang tới/lùi	●
Công tắc mode Power	●
Công tắc QPS (máy tự chuyển về mode Tiêu chuẩn khi cần)	●
Công tắc lựa chọn mode di chuyển (Auto1-Auto2)	●
Công tắc cố định tốc độ số 1	●

ĐỘNG CƠ	
Khí nạp	
Nắp chắn mưa	●
Lọc thô (loại Sy-Klone)	○
Lọc thô (loại Bowl)	○
Lọc khí 2 cấp	●
Lọc nhớt động cơ	●
Lọc thô nhiên liệu	●
Lọc nhiên liệu chính	●
Xả nhớt động cơ	●

HỆ THỐNG GIÁM SÁT	
Đồng hồ: nhiệt độ nước làm mát, nhiên liệu, nhiệt độ nhớt hộp số	●
Đèn chỉ báo: Tắt lọc gió, áp nhớt phanh thấp, đèn đi đường, khóa tay trang điều khiển, cảnh báo đổ vật liệu, lái khẩn cấp, cảnh báo động cơ, quạt xoay ngược, tắt lọc nhiên liệu, công tắc chọn chế độ tới/lùi, đèn pha, nhiệt độ nhớt thủy lực, bảo dưỡng máy, phanh đổ, power mode, xông, đai an toàn, nhiệt độ nhớt hộp số, cảnh báo hộp số, tín hiệu lái chuyển, lọc tách nước, đèn làm việc	●
Màn hình hiển thị LCD: thời gian, ECO, vị trí F-N-R /Hold, giờ làm việc, công tơ mét, khoảng thời gian dịch vụ, kiểm soát lái, tốc độ thiết bị	●
Đèn cảnh báo: Áp nhớt phanh thấp, áp nhớt động cơ thấp, quá nhiệt, áp nhớt hệ thống lái chuyển thấp	●

HỆ THỐNG PHANH	
Phanh điều chỉnh độc lập cho cầu trước và sau	●
Phanh đĩa ướt lắp cho 4 bánh, lắp ngoài, tác động bằng thủy lực	●
Pedal	
1 pedal phanh	●
2 pedal phanh (LH & RH)	○
Phanh đỗ tác động bằng lò xo, mở phanh bằng thủy lực	●

HỆ THỐNG THỦY LỰC	
Gầu tự cân chỉnh (tự động trả về vị trí để xúc)	●
Tay trang điều khiển	
cho van điều khiển (loại 2 suốt van)	
2 tay trang	●
Tay trang đa chức năng (Tay trang MF)	○
cho van điều khiển (loại 3 suốt van)	
Tay trang MF & AUX cho chức năng thứ ba	○
2 tay trang & tay trang AUX cho chức năng thứ ba	○
- Hướng nhìn từ trong cab (3 - Gầu - Tay nâng)	○
- Hướng nhìn từ ngoài cabin (Gầu - Tay nâng - 3)	○

Khóa tay trang an toàn	●
Tay trang nâng ty gầu tự động	○
Lọc thủy lực	●
Hệ thống tự do cho tay nâng gầu	●
Thước đo mực chất lưu	●
Hệ thống kiểm soát lái chuyển (kiểu OFF-AUTO)	○

LỚP	
20.5-25-12PR (L3)	●
20.5-25-16PR (L3)	○
20.5R25 (L3)	○

KHÁC	
Khóa chế độ lái chuyển khớp xoay	●
Cụm che chắn dưới bụng thiết bị (lắp bằng bu lông)	○
Bộ che chắn cho xi lanh gầu	○
Đối trọng	
Đối trọng 1 350 kg	●
Đối trọng 1 660 kg	○
Móc kéo xe với ắc	●
Lái chuyển khẩn cấp	○
Tấm chắn	
cho lớp 20.5-25-12PR	
Cho phía trước và nửa phía sau	●
Cho phía trước và cả phía sau với tấm chắn bùn	○
Cho phía trước và nửa phía sau, gồm luôn tấm chắn bùn	○
Hệ thống dịch vụ Global	●
Tay nâng gầu	
Loại tiêu chuẩn	●
Loại nâng gầu lên cao	○
Móc và dây chằng buộc	●
Hộp điều khiển / Hộp đen (phần thông tin máy)	●
Thiết bị bảo vệ	
Tấm che cho ắc quy, khóa lại được	●
Ca pô động cơ, khóa lại được	●
Nắp đầy đường nạp nhiên liệu, khóa lại được	●

Trang bị bảo vệ chống va đập, gồm ca pô động cơ khóa lại được, nắp đầy đường nạp nhiên liệu.

Trang bị tiêu chuẩn và tùy chọn có thể thay đổi theo từng quốc gia, do vậy, vui lòng tương tác với đại lý khu vực để nắm bắt thông tin chi tiết.



Nhằm xây dựng nền móng về khả năng của công nghệ, Hitachi Construction Machinery cam kết cung cấp chuỗi giải pháp và dịch vụ tân tiến nhất, đồng thời là đối tác đáng tin cậy của khách hàng khắp thế giới.

Hitachi - Mục tiêu vì môi trường 2025

Tập đoàn Hitachi đặt ra Mục tiêu môi trường cho năm 2025 là cắt giảm lượng phát thải CO₂ hàng năm. Chúng tôi cam kết cho tất cả dòng sản phẩm giảm thiểu tác động lên môi trường từ sự vận hành thiết bị và tạo nên xã hội bền vững với 3 mục tiêu đi liền - Ngăn sự ấm lên toàn cầu, tái chế nguồn tài nguyên và duy trì hệ sinh thái.

Giảm thiểu tác động lên môi trường với sản phẩm ZW mới

Hitachi cắt giảm nguồn phát thải CO₂ để ngăn nguy cơ ấm lên toàn cầu theo LCA*. Dòng thế hệ ZW mới sử dụng nhiều công nghệ tiên tiến, với Mode Standard mới tối ưu hóa nguồn nhiên liệu. Hitachi cam kết lâu dài trong vấn đề tái chế các cụm bộ phận, chẳng hạn các bộ phận chứa nhôm ở bộ tản nhiệt và bộ làm mát; các bộ phận từ nhựa tái chế.

*Life Cycle Assessment – ISO 14040

Trước khi sử dụng hệ thống tương tác viễn tin, nên đảm bảo rằng hệ thống này tương thích với các quy định sở tại, các tiêu chuẩn an toàn và các yêu cầu pháp lý. Nếu không, cần phải cải biến theo quy phạm.

Các đặc tính kỹ thuật có thể thay đổi mà không báo trước.
Các minh họa và hình ảnh ở trên có thể đã bao gồm một số trang bị hoặc phụ kiện tùy chọn, bên cạnh đó, một số trang bị tiêu chuẩn trong minh họa có thể khác về màu sắc và đặc điểm. Trước khi sử dụng, hãy đọc kỹ Sổ tay vận hành để nắm các hướng dẫn sử dụng.

TỔNG ĐẠI LÝ CHÍNH THỨC TẠI VIỆT NAM



CÔNG TY CP TỔNG CÔNG TY VINH PHÚ
ĐC: 990 - Xa lộ Hà Nội, Kp. 2, P. Bình Đa
TP. Biên Hòa, T. Đồng Nai, Việt Nam
ĐT: (0251) 383 1615 | MST: 3600437439
vinhphu@vitrac.vn www.vitrac.vn
www.facebook.com/vitrac.vn

VĂN PHÒNG ĐÀ NẴNG
ĐC: 150, QL14B, Thôn Thạch Nham Đông,
Xã Hòa Nhơn, Huyện Hòa Vang, Đà Nẵng
ĐT: (023) 6364 4794
vinhphudanang@vitrac.vn

VĂN PHÒNG HÀ NỘI
ĐC: Lô 1, Khu Công Nghiệp Quang Minh,
Thị trấn Quang Minh, Huyện Mê Linh, Hà Nội
ĐT: (024) 3556 22 77
vinhphuhanoi@vitrac.vn